TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày 07/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Chỉnh

2. Bà Phạm Thị Sinh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà*:** Bà Nông Thị Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/HSST, ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị D, sinh ngày 15/12/1982 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T; con bà Hoàng Thị D1; Có chồng là Đinh Trọng C (đã chết) và có 01 con (sinh năm 2008); Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 thì được hủy bỏ quyết định tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đồng Thị T1 sinh năm 1991 (vắng mặt),

Trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Chị Nông Thị T2 sinh năm 1998 (vắng mặt),

Trú tại: tổ B, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

*Người làm chứng:

1. Anh Đặng Văn C1 sinh năm 1983 (vắng mặt),

2. Anh Phạm Văn S sinh năm 1988 (vắng mặt),

3. Anh Hoàng Văn H sinh năm 1993 (vắng mặt),

Trú tại: thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

4. Chị Lê Thị L sinh năm 1988 (vắng mặt),

Trú tại: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 14/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã kiểm tra, phát hiện tại nhà nghỉ N, thuộc Tổ B, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do Trần Thị D, trú cùng địa chỉ làm chủ có 03 đôi nam nữ trên người không mặc quần áo và đang có hành vi quan hệ tình dục với nhau tại các phòng nghỉ, cụ thể:

Tại phòng nghỉ số 204: Đặng Văn C1 và Đồng Thị T1; khám xét thu giữ tại trên viên gạch cuối chân giường 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condon đã bóc vỏ; thu tại thùng rác 07 bao cao su đã qua sử dụng, 04 vỏ bao cao su nhãn hiệu Sure màu đỏ và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condon đã bóc vỏ.

Tại phòng 301: Hoàng Văn H và Lê Thị L; khám xét thu giữ trong bồn cầu 01 bao cao su đã qua sử dụng, ở chân giường 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK đã bóc vỏ và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK còn nguyên vẹn.

Tại phòng 306: Phạm Văn S và Nông Thị T2; khám xét thu giữ trên sàn nhà vệ sinh 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condon màu trắng đã bóc vỏ, thu trên bàn nhựa trong phòng 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Puma màu đỏ đã bóc vỏ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã tiến hành lập biên bản sự việc và đưa những người có tên trên cùng Trần Thị D về trụ sở để làm việc.

Ngoài ra, tiến hành khám xét khẩn cấp các địa điểm của nhà nghỉ N thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm: 03 (ba) hộp bao cao su nhãn hiệu OK màu đỏ (đã bóc bên trong không có gì); 13 (mười ba) vỏ bao cao su đã bóc vỏ; 18 (mười tám) bao cao su đã qua sử dụng. Tạm giữ của Trần Thị D số tiền 1.050.000 đồng *(Một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)* và 02 điện thoại di động; của Nông Thị T2 01 điện thoại di động hiệu SAM SUNG màu bạc; của Đồng Thị T1 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh - đen.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định: Khoảng 13 giờ 40 phút, ngày 14/12/2018, Đặng Văn C1, Hoàng Văn H và Phạm Văn S đến nhà nghỉ N có địa chỉ tại Tổ B, phường P, thành phố Bắc Kạn với mục đích để mua dâm. Đặng Văn C1 đặt vấn đề với chủ nhà nghỉ Trần Thị D để mua dâm với nhân viên của nhà nghỉ và được D đồng ý, thỏa thuận với mỗi lần mua dâm giá 350.000đ/ 01người. Sau đó C1 đã trả cho D số tiền 1.050.000đ (Một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), là tiền để C1, H và S mua dâm với T1, L và T2. Sau khi D nhận tiền, thì C1, H và S được T1, L và T2 đưa vào phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Khi các đối tượng đang trong quá trình mua, bán dâm thì Cơ

quan công an phát hiện và lập biên bản. Ngoài ra, quá trình điều tra, C1, H và S còn thừa nhận ngày 12/12/2018 được đến nhà nghỉ N để mua dâm; C1 là người đứng ra thỏa thuận và đưa số tiền 1.050.000 đồng để mua dâm cho một người phụ nữ ở nhà nghỉ, sau đó C1, H và S quan hệ tình dục với các nhân viên nữ tại nhà nghỉ N.

Bị cáo Trần Thị D thừa nhận vào ngày 14/12/2018, đã nhận số tiền 1.050.000 đồng của Đặng Văn C1 đưa để mua dâm với các nữ nhân viên của nhà nghỉ. Ngoài lần thỏa thuận cho các nhân viên nữ bán dâm ngày 14/12/2018, Trần Thị D không được thỏa thuận, nhận tiền mua dâm của khách lần nào khác. Các nhân viên nữ là người do D hợp đồng bằng miệng để dọn dẹp phòng, tẩm quất cho khách khi có nhu cầu, các nhân viên này ăn ở, sinh hoạt tại nhà nghỉ N. Ngày 14/12/2018, Trần Thị D thỏa thuận với các nhân viên nữ về việc bán dâm cho khách, mỗi lần bán dâm thu 350.000 đồng, sẽ trả cho nhân viên mỗi người 200.000 đồng, số còn lại 150.000 đồng Trần Thị D được hưởng lợi. Khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ thì Cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của Trần Thị D phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSBK-P1 ngày 22/7/2019 của VKSND tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Trần Thị D về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

*Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị D phạm tội: *"Chứa mại dâm"*.

- Áp dụng: Khoản 1 + khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị D từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng).

*Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) hộp bao cao su nhãn hiệu OK màu đỏ (đã bóc bên trong không có gì); 23 (hai ba) vỏ bao cao su đã bóc vỏ; 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu OK còn nguyên vẹn; 27 (hai bảy) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu mobile đã qua sử dụng

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xám nhãn hiệu Itel của Trần Thị D và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh - đen đã qua sử dụng, thu giữ của Đồng Thị T1.

- Trả lại cho chị Nông Thị T2: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu bạc đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 1.050.000đ *(Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

*Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét xử với mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Trần Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/12/2018, Trần Thị D đã thỏa thuận, nhận tiền mua dâm và cho 03 (ba) đôi nam nữ thực hiện hành vi mua, bán dâm tại các phòng 204, 301 và 306 của nhà nghỉ N do Trần Thị D làm chủ để thu lợi số tiền 1.050.000 đồng *(Một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)*. Khi các đôi nam, nữ đang mua, bán dâm thì bị Cơ quan Công an đã bắt quả tang, thu giữ 23 vỏ bao cao su đã bóc vỏ; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK còn nguyên vẹn; 27 bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 1.050.000 đồng *(Một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

[3] Hành vi nêu trên của Trần Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Mua bán dâm" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

" 1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ, đến 100.000.000đ, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Cáo trạng số 21/CT-VKSBK-P1, ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã trực tiếp xâm phạm đến quy định quản lý của Nhà nước, thể hiện sự coi thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh tại địa phương. Vì vậy, phải được xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền có được từ hành vi phạm tội; Bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng; Bị cáo là bị hại trong vụ án giết người sảy ra năm 2007 với tỷ lệ thương tật là 68 %. Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, có cơ hội được tiếp tục lao động làm ăn lương thiện nên cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm của Đặng Văn C1, Hoàng Văn H, Phạm Văn S và hành vi bán dâm của Đồng Thị T1, Lê Thị L, Nông Thị T2 xét thấy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng trong vụ án:

- Đối với: 03 (ba) hộp bao cao su nhãn hiệu OK màu đỏ (đã bóc bên trong không có gì); 23 (hai ba) vỏ bao cao su đã bóc vỏ; 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu OK còn nguyên vẹn; 27 (hai bảy) bao cao su đã qua sử dụng. Tất cả đều không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xám nhãn hiệu Itel, D dùng liên lạc để gọi Thêu đến bán dâm cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu mobile đã qua sử dụng, không liên quan đến vụ án nên cần được trả lại cho bị cáo D, nhưng bị cáo đề nghị tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu bạc đã qua sử dụng của chị Nông Thị T2, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho chị T2.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh - đen đã qua sử dụng của Đồng Thị T1 dùng để liên lạc với bị cáo đến bán dâm, cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền: 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền có được từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị D phạm tội "*Chứa mại dâm*".

*Áp dụng: khoản 1 + khoản 5 Điều 327; Điều 65; điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt: Bị cáo Trần Thị D 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Thị D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) hộp bao cao su nhãn hiệu OK màu đỏ (đã bóc bên trong không có gì); 23 (hai ba) vỏ bao cao su đã bóc vỏ; 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu OK còn nguyên vẹn; 27 (hai bảy) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu mobile đã qua sử dụng.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xám nhãn hiệu Itel của bị cáo Trần Thị D và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh - đen đã qua sử dụng của Đồng Thị T1.

- Trả lại cho chị Nông Thị T2: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu bạc đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/8/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);

- VKSND thành phố Bắc Kạn (01b);
- Công an thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn (Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng (01b);
- Lưu.

Tạ Văn Tư